

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

LỆNH ngày 11-7-1981 công bố Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

NAY CÔNG BỐ

Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 3 tháng 7 năm 1981.

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 1981
Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch
TRƯỜNG-CHINH

LUẬT

tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ vào chương VI và chương VII của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, luật này quy định về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, về nhiệm vụ và quyền hạn của các đại biểu Quốc hội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hội đồng Nhà nước, do Quốc hội bầu ra, là cơ quan cao nhất hoạt động thường xuyên của Quốc hội, là chủ tịch tập thể của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2

Tổ chức và hoạt động của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước bảo đảm cho Quốc hội và Hội đồng Nhà nước thực hiện những nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong điều 83 và điều 100 của Hiến pháp, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong phạm vi cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, nhằm hoàn thành những nhiệm vụ của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3

Quốc hội và Hội đồng Nhà nước làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Hiệu quả hoạt động của Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Quốc hội, hiệu quả hoạt động của Hội đồng Nhà nước, của các hội đồng, các ủy ban của Quốc hội và của các đại biểu Quốc hội.

Điều 4

Khi thực hiện nhiệm vụ và sử dụng quyền hạn của mình, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, các hội đồng, các ủy ban của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội dựa vào sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của các đoàn thể nhân dân và của công dân.

Các cơ quan và nhân viên Nhà nước, trong phạm vi quyền hạn của mình, có trách nhiệm tạo điều kiện cho các hội đồng, các ủy ban của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội làm nhiệm vụ.

Chương II**KỶ HỌP QUỐC HỘI****Điều 5**

Quốc hội họp thường lệ mỗi năm hai kỳ, một kỳ vào giữa năm và một kỳ vào cuối năm, do Hội đồng Nhà nước triệu tập.

Hội đồng Nhà nước có thể triệu tập Quốc hội họp bất thường theo quyết định của mình, theo yêu cầu của Hội đồng bộ trưởng hoặc của ít nhất là một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội.

Kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội do Hội đồng Nhà nước khóa trước triệu tập chậm nhất là hai tháng sau cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội.

Kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội do chủ tịch Hội đồng Nhà nước khóa trước khai mạc. Chủ tịch Hội đồng Nhà nước chủ tọa các phiên họp cho đến khi Quốc hội bầu ra chủ tịch Quốc hội khóa mới.

Điều 6

Quốc hội họp công khai.

Quốc hội quyết định họp kín theo đề nghị của Hội đồng Nhà nước, của chủ tịch Quốc hội, của Hội đồng bộ trưởng hoặc của các đoàn đại biểu Quốc hội.

Điều 7

Trong phiên họp đầu tiên của kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, Quốc hội bầu Ủy ban thẩm tra tư cách đại biểu Quốc hội.

Quốc hội căn cứ vào báo cáo của Ủy ban thẩm tra tư cách đại biểu Quốc hội, xác nhận tư cách đại biểu của các đại biểu Quốc hội hoặc tuyên bố việc bầu cử đại biểu cá biệt không có giá trị. Trong trường hợp cần phải điều tra về tính hợp pháp của việc bầu cử một đại biểu Quốc hội thì trong thời gian điều tra, đại biểu đó không có quyền biểu quyết.

Khi có bầu cử bổ sung thì Quốc hội thành lập Ủy ban thẩm tra mới làm nhiệm vụ thẩm tra và báo cáo kết quả để Quốc hội xét việc xác nhận tư cách đại biểu được bầu bổ sung.

Điều 8

Quốc hội bầu chủ tịch và các phó chủ tịch Quốc hội theo danh sách đề cử chức vụ từng người do chủ tịch Hội đồng Nhà nước khóa trước và các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội giới thiệu chung, sau khi hỏi ý kiến các đoàn đại biểu.

Quốc hội bầu Đoàn thư ký các kỳ họp cho mỗi khóa Quốc hội theo danh sách do chủ tịch Quốc hội giới thiệu.

Điều 9

Quốc hội bầu chủ tịch, các phó chủ tịch, tổng thư ký và các ủy viên Hội đồng Nhà nước trong số các đại biểu Quốc hội, theo danh sách đề cử chức vụ từng người do chủ tịch Quốc hội và các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội giới thiệu chung, sau khi hỏi ý kiến các đoàn đại biểu.

Điều 10

Quốc hội bầu chủ tịch Hội đồng bộ trưởng trong số các đại biểu Quốc hội theo sự giới thiệu chung của chủ tịch Hội đồng Nhà nước và các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, sau khi hỏi ý kiến các đoàn đại biểu.

Quốc hội bầu các phó chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng bộ trưởng theo danh sách đề cử chức vụ từng người của chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Các phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng và thành viên khác của Hội đồng bộ trưởng chủ yếu chọn trong số các đại biểu Quốc hội.

Điều 11

Quốc hội bầu phó chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quốc phòng theo danh sách đề cử chức vụ từng người của chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

Điều 12

Quốc hội bầu chánh án Tòa án nhân dân tối cao và viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong số các đại biểu Quốc hội, theo sự giới thiệu chung của chủ tịch Hội đồng Nhà nước và các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, sau khi hỏi ý kiến các đoàn đại biểu.

Điều 13

Trong các kỳ họp thường lệ của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước báo cáo công tác trước Quốc hội.

Tại kỳ họp đầu tiên của mỗi khóa Quốc hội, Hội đồng Nhà nước khóa trước báo cáo công tác đã làm từ kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa trước.

096540640
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: 84-8-3845 6664
LawSofc

Điều 14

Trong các kỳ họp thường lệ của Quốc hội, Hội đồng bộ trưởng, Tòa án nhân dân tối cao và viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo công tác trước Quốc hội.

Điều 15

Quốc hội xét các báo cáo và khi cần thiết, ra những nghị quyết về công tác của Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng, Tòa án nhân dân tối cao và viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 16

Quốc hội quyết định các kế hoạch Nhà nước và dự toán ngân sách Nhà nước do Hội đồng bộ trưởng trình Quốc hội. Hội đồng bộ trưởng trình Quốc hội dự án kế hoạch Nhà nước và dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm vào kỳ họp Quốc hội cuối năm trước.

Quốc hội phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước do Hội đồng bộ trưởng trình Quốc hội chậm nhất là một năm sau khi năm ngân sách đã kết thúc.

Điều 17

Quốc hội xét các dự án luật do các cơ quan Nhà nước, các chính đảng, các tổ chức xã hội và những người nói ở điều 86 của Hiến pháp trình ra trước Quốc hội.

Điều 18

Các dự án kế hoạch Nhà nước, dự toán ngân sách Nhà nước, các báo cáo, dự án luật và dự án khác phải gửi đến chủ tịch Hội đồng Nhà nước và chủ tịch Quốc hội chậm nhất là hai mươi ngày trước khi Quốc hội họp.

Điều 19

Quốc hội và Hội đồng Nhà nước có thể giao cho Hội đồng dân tộc, các Ủy ban thường trực của Quốc hội thẩm tra các báo cáo, các dự án luật, dự án kế hoạch Nhà nước, dự toán ngân sách Nhà nước và các dự án khác. Hội đồng dân tộc và các Ủy ban thường trực của Quốc hội trình ý kiến của mình về các báo cáo và dự án đó để Quốc hội và Hội đồng Nhà nước xem xét và quyết định.

Điều 20

Các luật và nghị quyết của Quốc hội phải được quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành, trừ trường hợp sửa đổi Hiến pháp quy định ở điều 147 của Hiến pháp.

Quốc hội biểu quyết bằng cách giơ tay hoặc bằng cách bỏ phiếu kín theo đề nghị của chủ tịch Quốc hội.

Đại biểu Quốc hội không được biểu quyết bằng cách gửi giấy hoặc nhờ người khác biểu quyết thay.

Các luật và nghị quyết của Quốc hội phải được chủ tịch Quốc hội ký chứng thực.

*Chương III***HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC****Điều 21**

Hội đồng Nhà nước được bầu ra tại kỳ họp đầu tiên của mỗi khóa Quốc hội. Số thành viên của Hội đồng Nhà nước do Quốc hội định.

Nhiệm kỳ của Hội đồng Nhà nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Hội đồng Nhà nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Hội đồng Nhà nước mới.

Điều 22

Hội đồng Nhà nước họp mỗi tháng một lần, nếu cần thiết thì họp nhiều lần.

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Nhà nước.

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước có thể ủy nhiệm một phó chủ tịch thay mặt để triệu tập và chủ tọa phiên họp của Hội đồng Nhà nước.

Điều 23

Hội đồng Nhà nước thực hiện nhiệm vụ và sử dụng quyền hạn ghi trong Hiến pháp theo thể thức quy định trong luật này và trong các văn bản khác của Quốc hội.

Điều 24

Trong việc triệu tập và tiến hành kỳ họp Quốc hội, chủ tịch Hội đồng Nhà nước phối hợp với chủ tịch Quốc hội để:

1. Dự kiến chương trình làm việc của kỳ họp Quốc hội;
2. Bảo đảm việc chuẩn bị các dự án luật và các dự án khác trình Quốc hội;
3. Quyết định những vấn đề khác liên quan đến kỳ họp Quốc hội.

Điều 25

Trong thời gian Quốc hội không họp, Hội đồng bộ trưởng, Tòa án nhân dân tối cao, viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo công tác trước Hội đồng Nhà nước theo quyết định của Hội đồng Nhà nước hoặc theo đề nghị của các cơ quan đó.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương báo cáo với Hội đồng Nhà nước về hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình và cấp dưới theo quy định của Hội đồng Nhà nước.

Hội đồng Nhà nước ra những nghị quyết để hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 26

Hội đồng Nhà nước thông qua kế hoạch xây dựng pháp luật theo đề nghị của Hội đồng bộ trưởng, của Tòa án nhân dân tối cao và viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, và giám sát việc thực hiện kế hoạch đó.

Điều 27

Hội đồng Nhà nước ra các pháp lệnh do sáng kiến của mình hoặc do đề nghị của các cơ quan Nhà nước, các chính đảng, các tổ chức xã hội và những người. nói ở điều 86 của Hiến pháp.

0941064
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 28

Trong thời gian Quốc hội không họp, Hội đồng Nhà nước quyết định việc thành lập hoặc bãi bỏ các bộ và các ủy ban Nhà nước; cử và bãi miễn các phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, các bộ trưởng, các chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước theo đề nghị của chủ tịch Hội đồng bộ trưởng và trình Quốc hội phê chuẩn các quyết định đó trong kỳ họp gần nhất của Quốc hội.

Điều 29

Hội đồng Nhà nước cử và bãi miễn các phó chánh án và thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo đề nghị của chủ tịch Hội đồng Nhà nước; cử và bãi miễn các hội thẩm nhận dân Tòa án nhân dân tối cao theo đề nghị của Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cử và bãi miễn các phó viện trưởng và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo đề nghị của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 30

Hội đồng Nhà nước quyết định bổ nhiệm, bãi miễn và triệu hồi các đại diện toàn quyền ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và ở các tổ chức quốc tế, theo đề nghị của chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Điều 31

Hội đồng Nhà nước đình chỉ việc thi hành và sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị quyết, nghị định, quyết định của Hội đồng bộ trưởng trái với Hiến pháp, luật và pháp lệnh, theo sáng kiến của mình, theo đề nghị của Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội hoặc của các đoàn đại biểu Quốc hội.

Điều 32

Hội đồng Nhà nước sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị quyết không thích đáng của các Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương; giải tán các Hội đồng nhân dân nói trên trong trường hợp các hội đồng đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của nhân dân, theo sáng kiến của mình, theo đề nghị của Hội đồng bộ trưởng, viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội hoặc của các đoàn đại biểu Quốc hội.

Điều 33

Các pháp lệnh và nghị quyết của Hội đồng Nhà nước phải được quá nửa tổng số thành viên của Hội đồng Nhà nước biểu quyết tán thành.

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước ký các pháp lệnh và nghị quyết đã được Hội đồng Nhà nước thông qua.

Điều 34

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước thay mặt Hội đồng công bố các luật và pháp lệnh chậm nhất không quá mười lăm ngày sau khi đã được Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước thông qua.

Điều 35

Hội đồng Nhà nước, thông qua chủ tịch Hội đồng, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Điều 36

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước tiếp nhận các đại diện toàn quyền ngoại giao của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; ký thư ủy nhiệm và thư triệu hồi đại diện toàn quyền ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và ở các tổ chức quốc tế.

Điều 37

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân toàn quốc và giữ chức vụ chủ tịch Hội đồng quốc phòng.

Điều 38

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước điều khiển công tác của Hội đồng Nhà nước.

Khi chủ tịch Hội đồng Nhà nước vì lý do sức khỏe không làm việc được trong một thời gian dài hoặc khi khuyết chủ tịch Hội đồng Nhà nước thì Hội đồng Nhà nước cử một phó chủ tịch quyền chủ tịch cho đến khi chủ tịch làm việc trở lại hoặc Quốc hội bầu chủ tịch mới của Hội đồng Nhà nước.

Chương IV

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI, CÁC HỘI ĐỒNG VÀ CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

*CHỦ TỊCH QUỐC HỘI***Điều 39**

Chủ tịch Quốc hội chủ tọa các phiên họp của Quốc hội; bảo đảm việc thi hành nội quy của Quốc hội; giữ quan hệ với các đại biểu Quốc hội; chứng thực những luật và những nghị quyết đã được Quốc hội thông qua; thực hiện quan hệ đối ngoại của Quốc hội.

Chủ tịch Quốc hội điều hòa và phối hợp hoạt động của các ủy ban của Quốc hội; có quyền tham dự hội nghị của các ủy ban, phát biểu ý kiến nhưng không biểu quyết; triệu tập và chủ trì hội nghị chủ nhiệm các ủy ban để điều hòa và phối hợp chương trình làm việc của các ủy ban.

Các phó chủ tịch Quốc hội giúp chủ tịch Quốc hội và có thể được ủy nhiệm đảm nhận từng phần những nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tịch hoặc thay chủ tịch khi chủ tịch vắng mặt.

Chủ tịch Quốc hội có quyền tham dự các phiên họp của Hội đồng Nhà nước.

Điều 40

Khi chủ tịch Quốc hội vì lý do sức khỏe không làm việc được trong một thời gian dài hoặc khi khuyết chủ tịch Quốc hội thì Hội đồng Nhà nước cử một phó chủ tịch Quốc hội quyền chủ tịch cho đến khi chủ tịch làm việc trở lại hoặc Quốc hội bầu chủ tịch mới.

CÁC HỘI ĐỒNG VÀ CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 41

Hội đồng quốc phòng động viên mọi lực lượng và khả năng của nước nhà để bảo vệ Tổ quốc.

Trong trường hợp có chiến tranh, Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước có thể giao cho Hội đồng quốc phòng những nhiệm vụ và quyền hạn đặc biệt.

Điều 42

Hội đồng dân tộc, được bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, gồm chủ tịch, các phó chủ tịch, thư ký và các ủy viên. Danh sách đề cử chức vụ từng người do chủ tịch Quốc hội và các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội giới thiệu chung, sau khi hỏi ý kiến các đoàn đại biểu.

Điều 43

Hội đồng dân tộc nghiên cứu và kiến nghị với Quốc hội và Hội đồng Nhà nước những vấn đề dân tộc; giúp Quốc hội và Hội đồng Nhà nước giám sát các cơ quan Nhà nước trong việc thi hành chính sách dân tộc; thẩm tra các báo cáo, dự án luật, dự án pháp lệnh và những dự án khác liên quan đến vấn đề dân tộc do Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước giao cho; trình dự án luật, dự án pháp lệnh và những dự án khác về vấn đề dân tộc ra trước Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.

Điều 44

Chủ tịch Hội đồng dân tộc điều khiển công tác của Hội đồng dân tộc; triệu tập và chủ tọa hội nghị Hội đồng dân tộc.

Chủ tịch Hội đồng dân tộc có quyền tham dự các phiên họp của Hội đồng Nhà nước.

Điều 45

Quốc hội thành lập các ủy ban thường trực sau đây để giúp Quốc hội và Hội đồng Nhà nước:

1. Ủy ban pháp luật;
2. Ủy ban kinh tế, kế hoạch và ngân sách;
3. Ủy ban văn hóa và giáo dục;
4. Ủy ban khoa học và kỹ thuật;
5. Ủy ban y tế và xã hội;
6. Ủy ban thanh niên, thiếu niên và nhi đồng;
7. Ủy ban đối ngoại.

Quốc hội thành lập những ủy ban thường trực khác khi xét thấy cần thiết.

Điều 46

Ủy ban thường trực của Quốc hội gồm chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, thư ký và các ủy viên.

Quốc hội bầu chủ nhiệm và các thành viên khác của ủy ban theo danh sách do chủ tịch Quốc hội và các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội giới thiệu chung, sau khi hỏi ý kiến các đoàn đại biểu. Phó chủ nhiệm và thư ký do ủy ban cử trong số thành viên của ủy ban.

Số thành viên của mỗi ủy ban do Quốc hội định.

Điều 47

Các ủy ban thường trực của Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thăm tra các báo cáo, dự án luật, dự án pháp lệnh và các dự án khác mà Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước giao cho;
2. Trình dự án luật, dự án pháp lệnh và các dự án khác ra trước Quốc hội và Hội đồng Nhà nước;
3. Nghiên cứu và kiến nghị với Quốc hội và Hội đồng Nhà nước về những vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của ủy ban;
4. Giúp Quốc hội và Hội đồng Nhà nước thực hiện quyền giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của Hội đồng bộ trưởng, Tòa án nhân dân tối cao, viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 48

Các ủy ban thường trực của Quốc hội hoạt động theo chương trình do ủy ban quyết định.

Các ủy ban gửi chương trình hoạt động của mình đến chủ tịch Quốc hội để chủ tịch Quốc hội điều hòa và phối hợp hoạt động của các ủy ban.

Điều 49

Khi cần thiết, Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước có thể thành lập các ủy ban làm thời để làm những nhiệm vụ nhất định. Tổ chức và hoạt động của các ủy ban làm thời do Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước quy định khi thành lập các ủy ban đó.

Điều 50

Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội tiến hành điều tra, xem xét tại chỗ về những vấn đề cần thiết. Khi vấn đề có liên quan đến nhiều ủy ban thì các ủy ban đó phối hợp để xem xét.

Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội có quyền yêu cầu các thành viên của Hội đồng bộ trưởng và những nhân viên hữu quan khác trình bày hoặc cung cấp tư liệu về những vấn đề cần thiết có liên quan đến nhiệm vụ của Hội đồng và các ủy ban. Những người được yêu cầu có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu đó.

Điều 51

Các đại biểu Quốc hội không phải là thành viên của các ủy ban thường trực của Quốc hội có thể tham dự hội nghị của ủy ban với sự đồng ý của chủ nhiệm ủy ban, và có quyền phát biểu ý kiến nhưng không biểu quyết.

Điều 52

Các ủy ban thường trực của Quốc hội thành lập các tiểu ban giúp việc với sự đồng ý của Hội đồng Nhà nước.

Trưởng tiểu ban phải là thành viên của ủy ban thường trực; các ủy viên có thể không phải là thành viên của ủy ban thường trực hoặc không phải là đại biểu Quốc hội.

Điều 53

Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội có quyền chất vấn Hội đồng bộ trưởng và các thành viên của Hội đồng bộ trưởng, chánh án Tòa án nhân dân tối cao và viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Thủ tục chất vấn và trả lời chất vấn theo quy định trong điều 59 và điều 60 của luật này.

Điều 54

Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội có thể đề nghị Hội đồng Nhà nước đưa một dự án luật, dự án pháp lệnh hay là một vấn đề quan trọng ra trưng cầu ý kiến nhân dân.

Điều 55

Thế thức hoạt động cụ thể của Hội đồng dân tộc và các ủy ban thường trực của Quốc hội do điều lệ hoạt động của các cơ quan đó quy định.

Điều 56

Hội đồng Nhà nước tổ chức văn phòng để giúp việc Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.

Chương V**ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI****Điều 57**

Nhiệm kỳ của đại biểu mỗi khóa Quốc hội bắt đầu từ kỳ họp thứ nhất của khóa Quốc hội đó đến kỳ họp thứ nhất của khóa Quốc hội sau.

Điều 58

Đại biểu Quốc hội có nhiệm vụ tham gia các kỳ họp và phiên họp của Quốc hội. Đại biểu nào không thể tham gia các kỳ họp và phiên họp phải có lý do và phải báo trước cho chủ tịch Quốc hội biết.

Điều 59

Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Hội đồng bộ trưởng và các thành viên của Hội đồng bộ trưởng, chánh án Tòa án nhân dân tối cao và viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Khi Quốc hội họp, đại biểu Quốc hội gửi những chất vấn đến chủ tịch Quốc hội để chủ tịch Quốc hội chuyển cho các cơ quan hoặc người bị chất vấn.

Khi đại biểu chất vấn Hội đồng bộ trưởng thì chủ tịch Hội đồng bộ trưởng hoặc một thành viên được ủy nhiệm của Hội đồng bộ trưởng trả lời. Khi đại biểu chất vấn một thành viên của Hội đồng bộ trưởng thì thành viên đó trả lời.

Cơ quan hoặc người bị chất vấn phải trả lời trước Quốc hội tại kỳ họp đó của Quốc hội. Trong trường hợp cần điều tra thì Quốc hội quyết định thời gian trả lời trước Hội đồng Nhà nước hoặc tại kỳ họp sau của Quốc hội.

Giữa hai kỳ họp Quốc hội, đại biểu Quốc hội gửi những chất vấn đến chủ tịch Hội đồng Nhà nước đề chủ tịch Hội đồng Nhà nước chuyển cho các cơ quan hoặc người bị chất vấn. Cơ quan hoặc người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng Nhà nước hoặc, theo quyết định của Hội đồng Nhà nước, trước Quốc hội lại kỳ họp gần nhất của Quốc hội.

Điều 60

Khi cần thiết, Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước ra nghị quyết về việc trả lời và trách nhiệm của những cơ quan hoặc người bị chất vấn.

Điều 61

Đại biểu Quốc hội phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Quốc hội, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri. Sau mỗi kỳ họp Quốc hội, các đại biểu Quốc hội báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các luật và nghị quyết đã được Quốc hội thông qua.

Đại biểu Quốc hội tuyên truyền, phổ biến pháp luật và chính sách của Nhà nước, động viên nhân dân tham gia quản lý Nhà nước.

Điều 62

Đại biểu Quốc hội nhận được những điều khiếu nại và tố cáo của nhân dân, có trách nhiệm nghiên cứu và chuyển đến cơ quan Nhà nước hữu quan, theo dõi việc giải quyết và báo cho đương sự biết kết quả.

Các cơ quan Nhà nước phải báo cho đại biểu Quốc hội biết kết quả giải quyết những khiếu nại và tố cáo của nhân dân do đại biểu Quốc hội chuyển đến.

Điều 63

Đại biểu Quốc hội có quyền kiến nghị với các cơ quan Nhà nước về việc thi hành pháp luật, chính sách của Nhà nước và những vấn đề thuộc lợi ích chung. Các cơ quan Nhà nước và những người có trách nhiệm phải nghiên cứu và trả lời những kiến nghị đó của đại biểu.

Theo yêu cầu của đại biểu Quốc hội, các cơ quan Nhà nước và những người có trách nhiệm phải thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt những việc làm trái pháp luật của cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức xã hội hoặc của bất cứ cá nhân nào.

Khi đại biểu Quốc hội đến gặp người phụ trách của một cơ quan Nhà nước hoặc cơ quan đoàn thể nhân dân thì người đó có trách nhiệm phải tiếp đại biểu.

Điều 64

Đại biểu Quốc hội có quyền tham dự hội nghị Hội đồng nhân dân các cấp nơi mình được bầu, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không biểu quyết. Khi triệu tập hội nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải thông báo cho các đại biểu Quốc hội ở địa phương mình biết.

Điều 65

Không có sự đồng ý của Quốc hội và trong thời gian Quốc hội không họp, không có sự đồng ý của Hội đồng Nhà nước, thì không được bắt giam và truy tố đại biểu Quốc hội. Việc đề nghị bắt giam và truy tố đại biểu Quốc hội thuộc thẩm quyền của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

096.0664
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Nếu vi phạm pháp quả tang mà đại biểu Quốc hội bị tạm giữ, thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo đề Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước xét và quyết định.

Điều 66

Đại biểu Quốc hội có thể bị cử tri của đơn vị bầu ra mình bãi miễn, nếu không xứng đáng với sự tin nhiệm của nhân dân.

Thủ tục bãi miễn đại biểu Quốc hội được tiến hành theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội.

Điều 67

Đại biểu Quốc hội nào phạm pháp và bị Tòa án phạt tù thì mất quyền đại biểu Quốc hội.

Điều 68

Quốc hội xét và quyết định những trường hợp đại biểu Quốc hội không xứng đáng là đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Hội đồng Nhà nước, của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc địa phương đã giới thiệu đại biểu ra ứng cử.

Điều 69

Đại biểu Quốc hội có thể xin từ chức vì lý do không đảm nhiệm được chức vụ đại biểu Quốc hội.

Việc chấp nhận đại biểu Quốc hội từ chức do Hội đồng Nhà nước quyết định và báo cáo với Quốc hội tại kỳ họp gần nhất của Quốc hội.

Điều 70

Trong trường hợp khuyết đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhà nước xét và quyết định việc bầu cử bổ sung.

Nhiệm kỳ của đại biểu Quốc hội được bầu bổ sung bắt đầu từ kỳ họp sau cuộc bầu cử bổ sung đến kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa mới.

Điều 71

Đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính tương đương họp thành đoàn đại biểu Quốc hội địa phương và cử ra trưởng đoàn. Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức hoạt động của đại biểu Quốc hội tại các đơn vị bầu cử.

Các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội giữ quan hệ với chủ tịch Quốc hội và Hội đồng Nhà nước. Mỗi năm hai lần, các đoàn đại biểu Quốc hội thông báo cho chủ tịch Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc địa phương về hoạt động của các đại biểu Quốc hội ở địa phương.

Điều 72

Trong phạm vi trách nhiệm của mình, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan Nhà nước khác có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đại biểu Quốc hội, như cung cấp tư liệu, thông tin, bảo đảm nơi tiếp xúc với cử tri, các phương tiện đi lại theo tiêu chuẩn.

Những người cản trở đại biểu Quốc hội làm nhiệm vụ đại biểu sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 73

Luật này thay thế Luật tổ chức Quốc hội ngày 14 tháng 7 năm 1960.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, kỳ họp thứ nhất, thông qua ngày 3 tháng 7 năm 1981.

Chủ tịch Quốc hội
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
NGUYỄN HỮU THỌ

LỆNH ngày 13-7-1981 công bố Luật tổ chức Tòa án nhân dân và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 34 của Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.

NAY CÔNG BỐ

— Luật tổ chức Tòa án nhân dân đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 3 tháng 7 năm 1981;

— Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 4 tháng 7 năm 1981.

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 1981
Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
TRƯỜNG-CHINH

LUẬT

tổ chức Tòa án nhân dân.

Căn cứ vào điều 83 của Hiến pháp về nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội;

Căn cứ vào các điều từ 127 đến 137 của Hiến pháp về nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của các Tòa án nhân dân;

Luật này quy định về tổ chức các Tòa án nhân dân.

0954064
Tel: +84-8-38456684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft